

Số: 214/2021/QĐST - HNGĐ

Hàm Yên, ngày 10 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 153/2021/TLST - HNGĐ, ngày 07/10/2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị T, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn V, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đình N, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn V, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị T và anh Lê Đình N.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thanh Tr, sinh ngày 17/9/2012 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Đình K, sinh ngày 19/7/2016 cho anh Lê Đình N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị T tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004515, ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lý Thị T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị đơn anh Lê Đình N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- UBND thị trấn V (Giấy CN kết hôn số 17/2012, ngày 04/3/2012);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San